

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **587/2017/HC-PT**

Ngày: **29 - 6 - 2017**

*V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi
thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bà Trần Mỹ Cúc

Các Thẩm phán

Bà Đỗ Thị Kim Phụng

Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa

Bà Trần Thị Thuỳ Quyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Bà Thân Trọng Minh Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 23 và 29 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 124/2016/TLPT-HC ngày 03 tháng 11 năm 2016 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1939/2016/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 762/2017/QĐ-PT ngày 25 tháng 4 năm 2017 và Thông báo số 3225/TB-TA ngày 24/5/2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Ngô Hoàng T. – Sinh năm 1971 (*Vắng mặt*)

Cư trú: *Phường A, quận B.*

Người đại diện theo ủy quyền ngày 12/8/2016: Ông Ngô Hoàng Tuấn (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Văn Ph. – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở: *Phường C, quận B, TPHCM*

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Song H – Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền ngày 28/11/2016:

Ông Hồ Ph. - Phó Chủ tịch (Vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phan Ngọc Anh H. - Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị T. – Sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Cư trú: Phường C, quận B

Người đại diện theo ủy quyền ngày 12/8/2016: Ông Ngô Hoàng Tuấn (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Ông Ngô Hoàng T. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Năm 1975 - 1976, ông Ngô Viết T. khai hoang một phần diện tích đất tại khu đầu lô 8 ở Phường E, quận B, thành phố Hồ Chí Minh để trồng rau, đào ao nuôi cá và dựng một cái chòi bằng lá dừa. Năm 1984 – 1985, gia đình ông Ngô Viết T. chuyển đến sinh sống, có xây nhà và phân chia cho các con trong đó ông Ngô Hoàng T. sử dụng căn nhà số 121 đường số 3, cư xá Thanh Đa, Phl zng 27, Quận B (gọi tắt là căn nhà số 121) với diện tích là 50,6m². Quá trình sử dụng, ông Ngô Hoàng T. có lấn chiếm rạch 18m².

Theo Bản đồ địa chính chính quy năm 2002 thể hiện diện tích sử dụng căn nhà số 121 là 68,6m² bao gồm: 50,6m² thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 3 cùng với 10,4m² lấn chiếm rạch Thanh Đa trước ngày 15/10/1993 và 7,6m² lấn chiếm rạch Thanh Đa sau ngày 22/4/2002. Căn nhà này thuộc Dự án chống sạt lở kênh Thanh Đa đoạn 1.4 tại Phường E, quận B nên Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định thu hồi đất số 1969/QĐ-UBND ngày 15/02/201, đồng thời chỉ xét bồi thường hỗ trợ 30% đối với diện tích 50,6m² và 10,4m², không bồi thường 7,6m² theo Quyết định số 11090/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 (gọi tắt Quyết định số 11090/QĐ-UBND).

Ông Ngô Hoàng T. nộp đơn khởi kiện ngày 06/10/2011 và thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 10/01/2016 yêu cầu Tòa án nhân dân quận B tuyên hủy một phần Quyết định số 11090/QĐ-UBND về việc phải tính bồi thường, hỗ trợ đơn giá đất ở 100% đối với 50,6m² và 30% đối với 18m² bởi có quá trình sử dụng ổn định, liên tục, không nhận được bất kỳ một thông báo hay văn bản ngăn chặn vi phạm lấn chiếm nào của cơ quan chính quyền các cấp, không tranh chấp, không bị xử phạt hành chính do xây nhà không phép, có đăng ký kê khai nhà đất ngày 15/9/1999, riêng việc không đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg nên không có tên trong Sổ mục kê ruộng đất là do lỗi của chính quyền địa phương không tổ chức cho dân đăng ký vào năm 1984.

Đại diện người bị kiện trình bày qua Bản tự khai gửi ngày 04/01/2012 là không chấp nhận yêu cầu và khởi kiện bổ sung của ông Ngô Hoàng T. vì khi thực hiện chính sách bồi thường hỗ trợ theo Dự án trên có xét đến tính pháp lý về quá trình sử dụng căn nhà số 121 của ông Ngô Hoàng T. xây dựng không phép từ năm 1990 trên phần đất của ông Ngô Viết T.. Căn cứ vào Bản đồ cháp ranh 299/TTg của Công ty Cổ phần đo đạc – Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Đại Việt An ngày 09/6/2010 có đối chiếu sổ mục kê thì vị trí của căn nhà số 121 thuộc một phần thửa 16, tờ bản đồ số 1 là loại đất chuyên dùng khác do Ủy ban nhân dân Phường E đứng tên chủ sử dụng đất. Do đó, việc ban hành Quyết định số 11090/QĐ-UBND tính bồi thường, hỗ trợ cho ông Ngô Hoàng T. , bà Trần Thị T. đối với 50,6m² x (30.855.232 đồng x 30%) = 468.382.422 đồng + 10,4m² x (30.855.232 đồng x 30%) = 96.268.324 đồng, kể cả không tính hỗ trợ 7,6m² là đúng pháp luật.

Bà Trần Thị T. trình bày qua Bản tự khai ngày 02/8/2016 là đồng ý với yêu cầu khởi kiện và bổ sung của chồng là ông Ngô Hoàng T. .

Việc đối thoại không thành ngày 03/8/2015 nên đưa vụ án ra xét xử và tuyên bác yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hoàng T. đề nghị hủy một phần Quyết định số 11090/QĐ-UBND, chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27 tháng 9 năm 2016, ông Ngô Hoàng T. kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện người kháng cáo thống nhất lời trình bày của Luật sư Phạm Văn Phúc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn của vợ chồng ông Ngô Hoàng T. rút yêu cầu không giải quyết phần đất lấn chiếm rạch 18m² và sửa án sơ thẩm về hủy một phần Quyết định số 11090/QĐ-UBND phải bồi thường 50,6 m² theo đơn giá đất ở 100%.

Ông Phan Ngọc Anh H. đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bác kháng cáo của ông Ngô Hoàng T. và giữ nguyên án sơ thẩm. Ủy ban nhân dân quận B không có ý kiến về rút yêu cầu phần diện tích như đại diện ông Ngô Hoàng T. trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nêu hành vi tổ tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định, đồng thời đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Hoàng T. và sửa án sơ thẩm vì phần diện tích 50,6m² Ủy ban nhân dân Phường E có đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg nhưng thực tế không quản lý, sử dụng nên việc tính bồi thường 30% theo Quyết định số 11090/QĐ-UBND là không đúng pháp luật, đồng thời đình chỉ việc rút yêu cầu của vợ chồng ông Ngô Hoàng T. đối với phần diện tích lấn rạch 18m².

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Xét đơn kháng cáo của ông Ngô Hoàng T. trong hạn luật định, nên chấp nhận.

Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện ủy quyền người bị kiện phù hợp tại khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015, nên chấp nhận.

Xét lời trình bày tại phiên tòa của đại diện người kháng cáo về việc rút yêu cầu không giải quyết phần đất 10,4 m² lấn chiếm rạch trước ngày 15/10/1993 và phần đất 7,6m² lấn chiếm rạch sau ngày 22/4/2002 phù hợp theo Đơn xin thay đổi nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Hoàng T. và bà Trần Thị T. ký ngày 21/6/2017 là tự nguyện, nên ghi nhận và đình chỉ.

Xét diện tích 50,6m² được gia đình người khởi kiện trồng rau, đào ao nuôi cá, chăn nuôi từ năm 1975 theo chủ trương của địa phương cho khai thác, mặt dù có xây nhà không phép vào năm 1989, nhưng không bị xử phạt vi phạm về quản lý đất đai, không có tranh chấp phù hợp với nội dung xác minh Công văn số 99/UBND ngày 08/6/2012 của Ủy ban nhân dân và Báo cáo trả lời ngày 19/4/2012 của Công an Phường E, quận B; đồng thời tại Công Văn số 14736/VPĐK-KT ngày 18/10/2011 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh thể hiện thông tin phần đất trên theo sổ bộ hồ sơ kỹ thuật thửa đất đo năm 2002 do ông Ngô Hoàng T. chủ sử dụng được ghi ký hiệu loại đất (T). Như vậy, quá trình sử dụng phần đất trên của người khởi kiện phù hợp tại khoản 7 Điều 8 Phương án số 118/PABT-UBND ngày 01/4/2011 của Ủy ban nhân dân quận B; khoản 1, khoản 2 Điều 3 và Điều 44 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ nhưng chỉ được tính mức bồi thường, hỗ trợ 30% theo Quyết định số 11090/QĐ-UBND là

không đúng như cấp sơ thẩm bác yêu cầu là không có cơ sở. Do đó, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát, Luật sư Phạm Văn Ph. và đại diện người kháng cáo về việc sửa án sơ thẩm.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, hoàn trả hai khoản tiền tạm nộp cho người khởi kiện đồng thời là người kháng cáo và tuyên việc phát sinh án có hiệu lực pháp luật ngay. Các phần khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị nên giữ nguyên.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 và Điều 242 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 37 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Hoàng T. và sửa Bản án sơ thẩm số 1939/2016/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận B như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Hoàng T.

1.1 Tuyên bố Quyết định số 11090/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân quận B về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng toàn phần đối với căn nhà số 121 đường số 3, Phường E, quận B của ông Ngô Hoàng T. – bà Trần Thị T. là không đúng qui định pháp luật.

1.2 Ủy ban nhân dân quận B có trách nhiệm giải quyết bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho ông Ngô Hoàng T. , bà Trần Thị T. phần đất bị thu hồi diện tích 50,6 m² thuộc một phần thửa số 7, tờ bản đồ số 3 của Bản đồ địa chính chính quy năm 2002 theo quy định của pháp luật.

1.3 Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Ngô Hoàng T. , bà Trần Thị T. về phần diện tích 10,4m² lấn chiếm rạch Thanh Đa trước ngày 15/10/1993 và phần diện tích 7,6m² lấn chiếm rạch Thanh Đa sau ngày 22/4/2002 theo Quyết định số 11090/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 của Ủy ban nhân dân quận B.

2. Án phí hành chính:

Ủy ban nhân dân quận B chịu 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Ngô Hoàng T. tổng số tiền 400.000 đ (Bốn trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu số 04776 ngày 14/10/2011 và số 08796 ngày 27/9/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSNDTPHCM;
- TAND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mỹ Cúc

